

TÀI KHOẢN 811 - CHI PHÍ KHÁC

1. Nguyên tắc kế toán

a) Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị tháo dỡ, di dời,...;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác,...;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

b) Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

2. Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 811 - Chi phí khác

Bên Nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

3. Phương pháp kế toán một số giao dịch kinh tế chủ yếu

a) Hạch toán nghiệp vụ nhượng bán, thanh lý TSCĐ:

- Ghi nhận thu nhập khác do nhượng bán, thanh lý TSCĐ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,...

Có TK 711 - Thu nhập khác

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311) (nếu có).

- Ghi giảm TSCĐ dùng vào SXKD đã nhượng bán, thanh lý, ghi:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (giá trị hao mòn lũy kế)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (giá trị còn lại)

Có các TK 211, 213

- Ghi nhận các chi phí phát sinh cho hoạt động nhượng bán, thanh lý TSCĐ, ghi:

Nợ TK 811 - Chi phí khác

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 111, 112, 141,...

- Ghi nhận khoản thu từ bán hồ sơ thầu liên quan đến hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 138...

Có TK 811 - Chi phí khác.

b) Khi tháo dỡ, di dời TSCĐ, ghi:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (giá trị hao mòn lũy kế)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (giá trị còn lại)

Có các TK 211, 213

c) Kế toán chi phí khác phát sinh khi đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết: Thực hiện theo hướng dẫn tại các TK 221, 222, 228.

d) Hạch toán các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính, ghi:

Nợ TK 811 - Chi phí khác

Có các TK 111, 112, 338,...

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3339) (nếu có).

đ) Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 811 - Chi phí khác.

TÀI KHOẢN 821 - CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. Nguyên tắc kế toán

a) Nguyên tắc chung

- Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Trong đó:

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp bổ sung vào NSNN được xác định theo quy định của pháp luật về thuế tối thiểu toàn cầu. Khi ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, doanh nghiệp đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

+ Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;

+ Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc:

+ Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm;

+ Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

b) Nguyên tắc kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Hàng quý, doanh nghiệp căn cứ vào tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, doanh nghiệp ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm lớn hơn số đã tạm nộp của năm đó. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, doanh nghiệp phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

- Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm phát hiện sai sót.

- Đối với các sai sót trọng yếu, doanh nghiệp điều chỉnh hồi tố theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh để xác định lợi nhuận sau thuế trong kỳ kế toán.

c) Nguyên tắc kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định chi phí thuế thu nhập hoãn lại theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp không được phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ và số phát sinh bên Có Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại vào Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

2. Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Kết cấu và nội dung phản ánh chung

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại;

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng với khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp bổ sung phát sinh trong năm theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

- Số chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp bổ sung vào năm kê khai do số thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận của năm phát sinh nghĩa vụ nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh trong kỳ của bên Có Tài khoản 8212 lớn hơn số phát sinh trong kỳ của bên Nợ Tài khoản 8212 vào bên Có Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp, được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp trong năm hiện tại được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước;

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng với ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng với hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm kê khai do số đã ghi nhận của năm phát sinh nghĩa vụ lớn hơn số phải nộp theo kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh;

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh trong kỳ của bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh trong kỳ của bên Có TK 8212 vào bên Nợ tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, bao gồm 2 tài khoản cấp 3:
 - + Tài khoản 82111 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Tài khoản 82112 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
- + Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại;

b) Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Bên Nợ:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm phải nộp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;
- Điều chỉnh tăng số chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp bổ sung vào năm kê khai do số đã ghi nhận của năm phát sinh nghĩa vụ nhỏ hơn số phải nộp theo kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp, được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- Điều chỉnh giảm số chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm kê khai (nếu có) do số đã ghi nhận của năm phát sinh nghĩa vụ lớn hơn số phải nộp theo kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành vào bên Nợ Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành không có số dư cuối kỳ.

c) Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- Số hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước (là số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh trong kỳ của bên Có Tài khoản 8212 lớn hơn số phát sinh trong kỳ của bên Nợ Tài khoản 8212 vào bên Có Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng với ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng với hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nhỏ hơn số phát sinh bên Nợ Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có số dư cuối kỳ.

3. Phương pháp kế toán một số giao dịch kinh tế chủ yếu

3.1. Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Hàng quý, doanh nghiệp phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp vào ngân sách Nhà nước (không bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định của pháp luật thuế tối thiểu toàn cầu), ghi:

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Có TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào NSNN, ghi:

Nợ TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 111, 112,...

- Cuối năm tài chính, căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán thuế hoặc số thuế do cơ quan thuế thông báo phải nộp (không bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định của pháp luật thuế tối thiểu toàn cầu):

+ Nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm lớn hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp, doanh nghiệp phản ánh bổ sung số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành còn phải nộp, ghi:

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Có TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp, doanh nghiệp ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ghi:

Nợ TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm phát hiện sai sót.

+ Trường hợp được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại, ghi:

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Có TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Trường hợp được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại, ghi:

Nợ TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí thuế thu nhập hiện hành, ghi:

+ Nếu TK 8211 có số phát sinh Nợ lớn hơn số phát sinh Có thì số chênh lệch, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Nếu TK 8211 có số phát sinh Nợ nhỏ hơn số phát sinh Có thì số chênh lệch, ghi:

Nợ TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

3.2. Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

a) Đối với doanh nghiệp là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:

- Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và phân bổ số thuế cho các đơn vị hợp thành không chịu trách nhiệm kê khai (tiêu thức phân bổ do doanh nghiệp lựa chọn cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng phải đảm bảo nhất quán theo quy định của chuẩn mực kế toán), ghi:

Nợ TK 82112 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (tương ứng với nghĩa vụ của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai)

Nợ TK 1388 - Phải thu khác (tương ứng với nghĩa vụ của các đơn vị hợp thành không chịu trách nhiệm kê khai)

Có TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đồng thời, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với phần ước tính nghĩa vụ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị:

Nợ TK 243 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Có TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Khi đơn vị hợp thành thực hiện kê khai số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung:

+ Nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung thực tế phải nộp vào năm kê khai lớn hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đã ghi nhận, doanh nghiệp phản ánh số chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung vào năm kê khai, ghi:

Nợ TK 82112 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (số phải nộp bổ sung vào năm kê khai tương ứng với nghĩa vụ của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai)

Nợ TK 1388 - Phải thu khác (số phải nộp bổ sung vào năm kê khai tương ứng với nghĩa vụ của các đơn vị hợp thành không chịu trách nhiệm kê khai)

Có TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung thực tế phải nộp vào năm kê khai nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đã ghi nhận, doanh nghiệp ghi giảm số chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung vào năm kê khai, ghi:

Nợ TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 82112 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung được ghi giảm vào năm kê khai tương ứng với nghĩa vụ của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai)

Có TK 1388 - Phải thu khác (số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung được ghi giảm vào năm kê khai tương ứng với nghĩa vụ của các đơn vị hợp thành không chịu trách nhiệm kê khai).

- Khi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai nhận được khoản thanh toán về tiền thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung do các đơn vị hợp thành không chịu trách nhiệm kê khai, căn cứ vào chứng từ có liên quan, ghi:

Nợ TK 111, 112,...

Có TK 1388 - Phải thu khác

+ Khi doanh nghiệp nộp thuế vào NSNN, ghi:

Nợ TK 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có các TK 111, 112,...

Đồng thời, doanh nghiệp hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận từ trước, ghi:

Nợ TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Có TK 243 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

b) Đối với doanh nghiệp là đơn vị hợp thành không chịu trách nhiệm kê khai:

- Khi được thông báo số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung phải nộp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được phân bổ từ đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai, ghi:

Nợ TK 82112 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

Có TK 3388 - Phải trả, phải nộp khác.

Đồng thời, đơn vị hợp thành không chịu trách nhiệm kê khai ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với phần ước tính nghĩa vụ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị:

Nợ TK 243 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Có TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Khi doanh nghiệp trả tiền cho đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai, ghi:

Nợ TK 3388 - Phải trả, phải nộp khác

Có các TK 111, 112,...

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

3.3. Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm), ghi:

Nợ TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Có TK 347 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước (là số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm), ghi:

Nợ TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Có TK 243 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm), ghi:

Nợ TK 243 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Có TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm), ghi:

Nợ TK 347 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Có TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ và số phát sinh bên Có TK 8212:

+ Nếu TK 8212 có số phát sinh Nợ lớn hơn số phát sinh Có, thì số chênh lệch ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

+ Nếu TK 8212 có số phát sinh Nợ nhỏ hơn số phát sinh Có thì số chênh lệch ghi:

Nợ TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.